

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH VINH LONG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45/2024/HS-ST

Ngày 11 - 7 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG - TỈNH VINH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Ông Châu Thanh Tân

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ngọc Trà My - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa:** Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên

Trong ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 39/2024/TLST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 46/2024/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phan Thanh N, sinh năm 1997, tại tỉnh Vinh Long

Nơi cư trú: số I, Khóm E, phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long; nghề nghiệp: lao động tự do (làm thuê); trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Thanh S và bà Trần Thị N1 (đã chết); chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có. Bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- **Bị hại:** Anh Phan Công T, sinh năm 2003 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số nhà B, đường H, phường B, thành phố V, tỉnh Vinh Long

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Ông Phùng Trung T1, sinh năm 1977 (có mặt)

Nơi cư trú: số nhà 64Z, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Vinh Long

2. Anh Trần Xuân D, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi thường trú: số nhà A, đường N, phường H, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Nơi cư trú: số nhà D, ấp T1, xã T2, huyện L, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 17/01/2024, Phan Thanh N ngồi trước nhà uống nước cùng với Nguyễn Văn M, sinh năm 1988, nơi cư trú: số E, đường N, phường H, thành phố V thì M yêu cầu N lấy xe mô tô chở M đến khu vực phía sau sân vận động tỉnh Vĩnh Long tìm tài sản và được N đồng ý. N điều khiển xe mô tô biển số 64B2-277.07 chở M đi đến dãy nhà trọ tại địa chỉ số B, đường H, phường B, thành phố V do bà Nguyễn Thị Minh T2 làm chủ. M bảo N dừng xe trước cổng nhà trọ để M đi vào trong tìm tài sản lấy trộm. M đi vào trong thấy 01 xe mô tô biển số 84F1-220.52 nhãn hiệu Yamaha Sirius đang đậu không khóa cổ nên M dẫn xe ra đến chỗ N đang chờ sau đó ngồi lên xe biển số 84F1-220.52. N hiểu ý nên điều khiển xe mô tô biển số 64B2-277.07 dùng chân đẩy xe biển số 84F1-220.52 do M ngồi trên điều khiển và rời khỏi khu vực trên. Cả hai đẩy xe đến bãi giữ xe của Siêu thị C ở phường A, thành phố V gửi xe.

Gửi xe xong, cả hai chợt nhớ không có tiền để lấy xe ra nên N chở M về nhà N lấy tiền và quay trở lại lấy xe, tiếp tục đẩy đến nhà trọ T3 tại địa chỉ số G, đường T, phường D, thành phố V. M thuê phòng trọ cùng N đẩy xe vào trong phòng rồi phá khóa xe, sau khi phá khóa xong N đi về nhà của N. M điều khiển xe mô tô vừa trộm cầm cho Trần Xuân D số tiền 2.500.000 đồng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, anh Phan Công T là người quản lý, sử dụng xe biển số 84F1-220.52 phát hiện xe bị mất trộm nên trình báo Công an phường B, thành phố V. Qua trích xuất camera tại khu vực trên, Công an phường B mời Phan Thanh N, Nguyễn Văn M làm việc và cả hai thừa nhận hành vi phạm tội.

Tại kết luận định giá tài sản số 04/HĐĐGTSTTHS ngày 25/01/2024, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố V kết luận xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius biển số 84F1-220.52 giá trị 14.700.000 đồng.

Đối với Nguyễn Văn M, trong quá trình điều tra, sau khi thừa nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản thì bỏ địa phương đi, Cơ quan điều tra đã nhiều lần gửi giấy triệu tập nhưng M không có mặt, thời hạn điều tra đã hết nên Cơ quan điều tra ra quyết định tách hành vi phạm tội và truy nã đối với Nguyễn Văn M, khi nào bắt được M sẽ xử lý theo quy định pháp luật.

Xe mô tô biển số 84F1-220.52 do ông Phan Thanh P là cha ruột của anh Phan Công T đứng tên sở hữu. Ông P giao xe cho anh T quản lý, sử dụng. Anh T để xe bị mất trộm nên anh T là bị hại, ông P đồng ý do anh T giải quyết xe trong vụ án. Anh Phan Công T trình bày đã được Cơ quan điều tra trả lại xe mô tô biển số 84F1-220.52, xe không hư hỏng đáng kể, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự đối với Phan Thanh N.

Đối với anh Trần Xuân D do quen biết M nên khi M mang xe biển số 84F1-220.52 đến cầm với số tiền 2.500.000 đồng thì anh D đồng ý và không biết xe do M, N trộm cắp. Khi Công an mời làm việc, anh D đã tự nguyện trao trả xe nên không đủ căn cứ để xử lý D về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Anh Dũng không yêu cầu Nguyễn Văn M, Phan Thanh N trả lại số tiền 2.500.000 đồng.

Đối với xe mô tô biển số 64B2-277.07 thuộc sở hữu của ông Phùng Trung T1. Do ông T1 và N quen biết nhau nên N mượn xe của ông T1 để làm phương tiện đi lại thì ông T1 đồng ý, không biết việc N sử dụng xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên Cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Phùng Trung T1. Ông T1 yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 64B2-277.07.

Tại Cáo trạng số 46/CT-VKSTPVL ngày 29/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Phan Thanh N về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Bị cáo Phan Thanh N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Phan Thanh N. Đề nghị xử phạt bị cáo Phan Thanh N từ 09 tháng - 01 năm tù. Xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử trả ông Phùng Trung T1 01 xe mô tô biển số 64B2-277.07. Án phí: Buộc bị cáo Phan Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Thanh N tham gia tranh luận xin giảm nhẹ hình phạt, không ý kiến đối đáp và trình bày lời nói sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện

đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Phan Thanh N đã khai hành vi phạm tội phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phan Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm ít nghiêm trọng với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản người khác, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự xã hội của địa phương. Bị cáo N trực tiếp điều khiển xe mô tô biển số 64B2-277.07 chở Nguyễn Văn M đến dãy nhà trọ tại địa chỉ số B, đường H, phường B, thành phố V để M lén lút trộm cắp xe mô tô biển số 84F1-220.52 thuộc quyền quản lý, sử dụng của anh Phan Công T; đã giúp sức Nguyễn Văn M trong việc cùng M tìm tài sản, đẩy xe lấy trộm đến nơi cất giấu, cùng Minh phá khóa xe và tài sản trộm cắp qua định giá có giá trị 14.700.000 đồng. Bị cáo N đồng phạm giản đơn cùng M, cùng có ý chí thực hiện hành vi phạm tội vai trò giúp sức. Hành vi của N đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi vi phạm pháp luật mà bị cáo đã thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Riêng Nguyễn Văn M bỏ trốn khỏi địa phương và đang bị Cơ quan điều tra truy nã về hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, đã tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị can đối với Nguyễn Văn M, khi nào bắt được M các cơ quan tiến hành tố tụng xử lý theo quy định pháp luật.

Đối với anh Trần Xuân D nhận cầm của Nguyễn Văn M 01 xe mô tô biển số 84F1-220.52 số tiền 2.500.000 đồng do mối quan hệ quen biết, không biết xe do M, N trộm cắp nên không đủ căn cứ để xử lý anh D hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Anh Dũng không yêu cầu bị cáo Phan Thanh N trả lại số tiền 2.500.000 đồng nên không xem xét, giải quyết. Riêng đối với Nguyễn Văn M, nếu anh D có yêu cầu trách nhiệm dân sự với M thì sẽ được xem xét, giải quyết trong vụ án khác khi cơ quan điều tra bắt được M.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tham gia dân quân tự vệ thời hạn 04 năm tại địa phương, có cha đẻ là người có công với đất nước, thương binh hạng 2/8. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự được áp dụng với bị cáo; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi vi phạm pháp luật, bị cáo cần phải bị xử lý với một hình phạt nghiêm tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Tuy nhiên, bị cáo N có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, có 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; có nơi cư trú rõ ràng; có khả năng tự cải tạo; việc không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù không gây nguy hiểm cho xã hội, không gây ảnh hưởng

xấu tình hình an ninh trật tự, an toàn xã hội. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự, miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện, cho bị cáo hưởng án treo. Hoàn cảnh kinh tế bị cáo khó khăn, Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung với bị cáo.

[5] Trách nhiệm dân sự: Bị hại đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh L trả lại 01 xe mô tô biển số 84F1-220.52, không yêu cầu về trách nhiệm dân sự nên không xem xét, xử lý.

Xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 64B2-277.07 thuộc sở hữu của ông Phùng Trung T1, không biết việc N mượn xe của ông T1 để sử dụng xe thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên ông T1 yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 64B2-277.07 được chấp nhận.

[6] Án phí: Buộc bị cáo Phan Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Phan Thanh N.

1. Tuyên bố bị cáo Phan Thanh N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phan Thanh N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng. Thời hạn thử thách của bị cáo Phan Thanh N được tính từ ngày tuyên án 11/7/2024.

Giao bị cáo Phan Thanh N cho Ủy ban nhân dân phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Phan Thanh N thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Xử lý vật chứng:

Các vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 30/5/2024 giữa Công an thành phố V và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vĩnh Long được xử lý như sau:

Trả ông Phùng Trung T1 01 (một) xe mô tô (xe máy) biển số 64B2-277.07, xe đã qua sử dụng.

4. Án phí: Buộc bị cáo Phan Thanh N nộp số tiền 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt bị cáo Phan Thanh N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án Phùng Trung T1. Bị cáo và ông Phùng Trung T1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và đương sự khác vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Cơ quan CSĐT Công an TPVL: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Cơ quan thi hành án hình sự: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường B, TPVL: 1;
- Bị cáo: 1;
- Bị hại: 1;
- Đương sự khác: 2;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân

